

Bản án số: 151/2023/HSST

Ngày: 30/08/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GL, THÀNH PHỐ HN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân 1) Bà Nguyễn Thị Chấn

2) Ông Lương Văn Thoại

- Thư ký ghi biên bản phiên Tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt –Thư ký Tòa án nhân dân huyện GL, Thành phố HN.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện GL - Thành phố HN tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GL, thành phố HN đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 133/2023/HSST, ngày 02 tháng 08 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 08 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 22 ngày 21 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NQN**, sinh năm 1992 tại HY; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT: thôn CT, xã TQ, huyện VL, tỉnh HY. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông NVT, sinh năm 1960 và bà TTX, sinh năm 1968; Gia đình có hai anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Có vợ là LTT (đã ly hôn) và 01 con là NTD, sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 000000224 lập ngày 15/4/2023 tại Công an huyện GL và lý lịch bị can thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 08/4/2023, đến ngày 14/4/2023 áp dụng biện pháp tạm giam. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố HN.

(Bị cáo có mặt)

- Người bị hại: Chị NTV, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn QT, xã DQ, huyện GL, thành phố HN. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh VVH, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn ĐT, xã NL, huyện NT, tỉnh

NĐ. Vắng mặt.

+ Anh TVL, sinh năm 1988; Địa chỉ: Đội 10, thôn NQ, thị trấn NQ, xã VL, tỉnh HY. Vắng mặt.

+ Anh NVH, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn NQ, thị trấn NQ, xã VL, tỉnh HY. Vắng mặt.

+ Chị NKV, sinh năm 2002; Địa chỉ: xã LA, TVT, thành phố CM, tỉnh CM. Vắng mặt.

+ Anh HTG, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 60A phố NQ, thị trấn NQ, xã VL, tỉnh HY. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Rạng sáng ngày 06/4/2023, sau khi chơi điện tử xong NQN nảy sinh ý định đi lang thang từ khu vực cầu Trung, DQ, GL, HN dọc theo bờ mương để xem nhà nào sơ hở thì NQN sẽ trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Thực hiện ý định trên, N đi bộ loanh quanh khu vực bờ mương nhưng không lấy được tài sản gì. Lúc này N thấy khu đường vắng vẻ, ít người qua lại nên N đã nảy sinh ý định cướp tài sản của người đi đường bằng cách lấy một cành cây (dài 2,2m, tán rộng 1,8m) ở ven đường chặn ngang đường để cản trở người qua lại, còn N ngồi ở bụi cỏ ven đường nếu có phụ nữ nào đi qua thì cướp tài sản. Để tránh bị Cơ quan Công an phát hiện, trước khi thực hiện hành vi cướp tài sản N đeo khẩu trang, đội mũ lưỡi trai để che đầu, mặt và lộn ngược áo khoác lại để mặc. Đến khoảng gần 04 giờ cùng ngày, chị NTV, SN: 1975, Nơi ĐKTT: QT, DQ, GL, HN điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen, BKS 30N9-1089, số máy: JF27E0485741, số khung: RLHJF1802AY468795 đi đến gần vị trí Nên để cành cây thì không đi được. Do vậy, chị V dừng xe, đi xuống bê cành cây để sang bên vệ đường. Khi chị V đang ngồi trên xe chuẩn bị đi thì N đi từ bụi cỏ tiến về phía chị V. N dùng tay phải đẩy chị V ngã xuống đường, rồi dùng tay phải ghì cổ chị V xuống đường, còn tay trái túm lấy cổ tay chị V để cho chị V không rút được chìa khóa xe. Lúc này, chị V nói “Tao nhìn thấy mặt mày rồi mày đừng cướp của tao”, N tiếp tục dùng tay phải bóp cổ không để cho chị V kêu được, chị V tiếp tục nói “Tao nhìn thấy mặt mày rồi mày đừng cướp của tao”. N không nói gì, dùng tay phải kẹp cổ và kéo chị V ra khu vực bờ mương. Sau đó, N dựng xe và ngồi lên xe thì chị V nói “Mày trả tao điện thoại còn xe tao cho mày”. N không nói gì, nổ máy bỏ chạy qua cầu BT, DQ, còn chị V đến Công an xã DQ trình báo sự việc.

Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe máy, N điều khiển xe mô tô vừa cướp được của chị V ra Quốc lộ 17 và bỏ chạy theo hướng về Bắc Ninh. Trên đường bỏ chạy khi đến đoạn đường xã Song Liễu, Thuận Thành, Bắc Ninh, N dừng xe lộn lại áo khoác để mặc nhằm gây khó khăn cho Cơ quan điều tra. Sau đó, N mở cốp xe ra thì thấy bên trong cốp xe có số tiền 2.200.000 (Hai triệu hai trăm nghìn) đồng và một

chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo Y15a, màu xanh. Thấy vậy, N lấy tiền và điện thoại cất vào trong túi quần mà N đang mặc rồi tiếp tục lái xe máy bỏ chạy về quán Game 68 ở địa chỉ: Đội 10, Thôn NQ, TT. NQ, VL, HY của anh TVL, SN: 1988, Nơi ĐKTT: Đội 10, Thôn NQ, TT. NQ, VL, HY để chơi điện tử. Trên đường đi, do sợ bị phát hiện, N đã vớt chiếc điện thoại vừa lấy được trong cốp xe của chị V xuống vệ đường (không xác định được vị trí). Sau đó, N tiếp tục điều khiển xe mô tô về quán của anh L để chơi game. Khi đang chơi Game thì N có hỏi anh VVH, SN: 1994, Nơi ĐKTT: Thôn ĐT, NL, NT, NĐ chỗ bán xe mô tô. Sau đó, N đã bán cho anh H chiếc xe mô tô trên với giá 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng). Anh H đã thanh toán cho anh N số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), còn lại 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) anh H chưa thanh toán cho N. N đã dùng số tiền 1.000.000 đồng vào việc trả tiền thuê nhà trọ của N và chị NKV, SN: 2002, HKTT: xã LA, TVT, Tp. CM, tỉnh CM cho anh NVH, SN: 1981, Nơi ĐKTT: Thôn NQ, TT. NQ, VL, HY và cho anh HTG, SN: 1992, Nơi ĐKTT: Số 60A Phố NQ, TT. NQ, VL, HY vay 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng. Số tiền còn lại là 600.000 đồng và số tiền 2.200.000 lấy được trong cốp xe của chị V, N đã tiêu xài hết 2.300.000 đồng, còn lại 500.000 đồng N đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT – Công an huyện GL.

Lời khai của NQN là phù hợp với lời khai của chị NTV, anh VVH, TVL, NVH, NKV và HTG và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ của NQN: Số tiền 500.000 đồng; 01 mũ lưỡi trai màu đen không nhãn mác, đã qua sử dụng; 01 áo khoác màu xanh có mũ liền áo ở cánh tay áo bên phải và bên trái đều có 3 sọc trắng kéo dài từ vai đến khuỷu tay, lớp bên trong áo dạng lưới màu đen; 01 khẩu trang y tế màu trắng.

Vật chứng thu giữ của VVH: 01 xe máy Honda Airblade màu đen bạc BKS 30 N9- 1089, xe không gương chiếu hậu.

Vật chứng thu giữ của HTG: 04 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng.

Vật chứng thu giữ của anh NVH: số tiền 1.000.000 đồng (một triệu) đồng.

Vật chứng thu giữ của anh TVL: 01 USB bên trong có 01 đoạn video có tên “video1” dung lượng 158294 KB mà cơ quan điều tra thu giữ tại quán game 68, địa chỉ: thị trấn NQ, VL, HY. Thời gian trong video trùng giờ so với giờ thực tế.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 57 ngày 20/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện GL xác định: Tại thời điểm ngày 06/4/2023, 01 (Một) chiếc xe mô tô BKS: 30N9-1089 trên có giá trị 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) và 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15a trên có giá trị

1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm đồng)

Tại bản kết luận giám định số 2574/KL-KTHS ngày 27/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - CATP HN kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu trắng, đeo biển kiểm soát 30N9-1089, số khung nguyên thủy: RLHJF1802AY468795; số máy nguyên thủy: JF27E – 0485741; Không giám định biển kiểm soát: 30N9-1089 do không có mẫu so sánh.

Tại bản cáo trạng số 140/CT-VKSGL ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện GL đã truy tố bị cáo NQN phạm tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 điều 168 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GL sau khi tóm tắt nội dung sự việc, đánh giá lời khai của bị cáo tại phiên tòa; lời khai của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung bản cáo trạng; trình bày lời luận tội và đề nghị như sau:

a) Về hình phạt:

- Hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 168 BLHS, điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38 BLHS 2015, đề xuất xử phạt bị cáo NQN từ 42 đến 48 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2023 về tội "Cướp tài sản"

- Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

b) Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 BLTTHS 2015, đề xuất:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 mũ lưỡi trai màu đen, đã qua sử dụng;

+ 01 áo khoác màu xanh có mũ liền áo ở cánh tay áo bên phải và bên trái đều có 3 sọc trắng kéo dài từ vai đến khuỷu tay, lớp bên trong áo dạng lưới màu đen, đã qua sử dụng;

+ 01 khẩu trang y tế màu trắng, đã qua sử dụng.

- Đối với số tiền 1.900.000 (một triệu chín trăm nghìn) đồng. Trong đó 500.000 đồng là số tiền mà bị cáo phạm tội mà có đề nghị trao trả cho người bị hại; số tiền 1.400.000 đồng là số tiền bị cáo dùng số tiền có được từ hành vi phạm tội để trả tiền thuê nhà cho anh NVH và cho anh HTG. Anh G và anh H tự nguyện

giao nộp cho CQĐT và không yêu cầu đề nghị gì. Do vậy đề nghị HĐXX tịch thu sung công quỹ số tiền 1.400.000 đồng.

c) Áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 468, 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật dân sự xử lý về trách nhiệm dân sự như sau:

Chị NTV đã nhận lại chiếc xe máy nên không có yêu cầu bồi thường thiệt hại về chiếc xe này. Đối với số tiền 2.200.000 đồng và 01 chiếc điện thoại Vivo màu xanh bên trong lắp số sim số 0355790237, chị V yêu cầu NQN phải bồi thường cho chị V số tiền 3.700.000 đồng. Xét thấy, chị V yêu cầu bị cáo bồi thường bằng đúng trị giá tài sản đã bị bị cáo chiếm đoạt. Do vậy, yêu cầu của chị V là có căn cứ. Đối trừ với số tiền 500.000 đồng mà bị cáo đã tự nguyện giao nộp, đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 3.200.000 đồng cho chị NTV.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh VVH không yêu cầu bị cáo NQN trả lại số tiền 2.000.000 đồng là tiền đã thanh toán cho NQN khi mua xe máy, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo NQN sau khi nghe quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện GL, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi cướp tài sản và đã nhận thức được hành vi đó là sai, vi phạm pháp luật. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra -Công an huyện GL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện GL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Người bị hại là chị NTV và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh VVH, TVL, NVH, HTG và chị NKV đã được tổng đạt hợp lệ. Chị V, anh L, anh G, anh H, anh H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xử vắng mặt, chị V vắng mặt không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của người bị hại, người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến kết quả của việc xét xử. Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thu thập được, đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 4 giờ sáng ngày 06/04/2023, tại đoạn đường bờ mương thuộc thôn BT, DQ, GL, HN, Nguyễn Văn Nên có hành vi dùng vũ lực khiến chị NTV, sinh năm 1975, trú tại: QT, DQ, GL, HN lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt 01 xe máy nhãn hiệu Honda Aiblade, màu đen, BKS 30N1 – 1089, xe không có gương chiếu hậu trị giá 13.000.000 đồng. Bên trong cốp xe có 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo màu xanh, lắp sim số 0355790237 trị giá 1.500.000 đồng và số tiền 2.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Nên chiếm đoạt được của chị V là 16.700.000 đồng.

[2.2] Xét thấy, bị cáo NQN đã có hành vi chủ động tạo ra sơ hở của người bị hại là chị NTV, đồng thời dùng vũ lực khiến chị V lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị là 16.700.000 đồng.

Hành vi phạm tội lần này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện GL truy tố bị cáo về tội “Cướp tài sản”, là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội ở địa phương. Do đó hành vi vi phạm của bị cáo cần phải nghiêm trị.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi lượng hình Hội đồng xét xử đã xem xét: Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Một phần tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe máy đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo,

cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Xử lý vật chứng:

* Xét thấy một số vật dụng cá nhân của bị cáo là vật không có giá trị và không còn giá trị sử dụng nên cho tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) mũ lưỡi trai màu đen, đã qua sử dụng

+ 01 (một) áo khoác màu xanh có mũ liền áo, ở cánh tay áo bên phải và bên trái đều có 3 sọc trắng kéo dài từ vai đến khuỷu tay, lớp bên trong áo dạng lưới màu đen, áo đã qua sử dụng.

+ 01 khẩu trang y tế màu trắng, đã qua sử dụng.

* Đối với số tiền 1.900.000 đồng (trong đó gồm 500.000 thu giữ của bị cáo Nên, 400.000 đồng thu giữ của anh HTG, 1.000.000 đồng thu giữ của NVH). Xét thấy đây là số tiền trong tổng số tiền 2.000.000 đồng anh VVH trả cho bị cáo NQN để mua chiếc xe máy do Nên phạm tội mà có. Anh Hải không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền này cho anh Hải. Vì vậy, để tránh thiệt hại và đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại xét thấy cần trả lại chị NTV số tiền 1.900.000 đồng này.

[7]. Về dân sự:

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen, BKS: 30N1-1089 của chị NTV. Ngày 20/5/2023, Cơ quan CSĐT – Công an huyện GL đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho chị NTV, chị V đã nhận lại tài sản ngày 21/5/2023 và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại về chiếc xe này. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị NTV tổng số tiền 3.700.000 đồng, gồm có 1.500.000 đồng là giá trị chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo và 2.200.000 đồng tiền mặt. Sau khi trả lại chị V số tiền đã thu hồi được là 1.900.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường nốt cho chị V số tiền 1.800.000 đồng.

Đối với anh VVH là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo NQN trả lại số tiền 2.000.000 đồng là số tiền anh Hải đã đưa cho bị cáo khi mua chiếc xe máy mà bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với thương tích của chị NTV, Cơ quan CSĐT - Công an huyện GL đã ra Quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ tổn hại sức khỏe của chị V và ra Quyết định dẫn giải đối với chị V, tuy nhiên chị V đã từ chối từ chối đi giám định thương

tích và không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với VVH, SN: 1994, Nơi ĐKTT: Thôn ĐT, NL, NT, NĐ, khi NQN bán chiếc xe mô tô cho anh Hải thì Nên nói xe mô tô là của Nên bị mất giấy tờ, Hải thấy rẻ nên đã mua, bản thân Hải không biết chiếc xe mô tô mua lại của Nên là do Nên phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan CSĐT – Công an huyện GL không đặt vấn đề xử lý đối với VVH là đúng quy định của pháp luật.

Đối với anh TVL, SN: 1988, Nơi ĐKTT: Đội 10, Thôn NQ, TT. NQ, VL, HY; anh NVH, SN: 1981, Nơi ĐKTT: Thôn NQ, TT. NQ, VL, HY; chị NKV, SN: 2002, HKTT: xã LA, TVT, Tp. CM, tỉnh CM và anh HTG, SN: 1992, Nơi ĐKTT: Số 60A Phố NQ, TT. NQ, VL, HY, khi N thực hiện hành vi phạm tội, L, H, V, G không biết, không tham gia, không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội đó. Do đó Cơ quan CSĐT – Công an huyện GL không đặt vấn đề xử lý đối với TVL, NVH, NKV và HTG là có căn cứ.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng mà N đã chuyển khoản cho anh NVH để thanh toán tiền nhà trọ và số tiền 400.000 đồng mà N cho anh HTG vay là giao dịch dân sự không liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, đây là nguồn tiền từ hành vi phạm tội của NQN, anh Hanh và anh G đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT – Công an huyện GL để phục vụ điều tra và không có yêu cầu đề nghị gì. Hội đồng xét xử không đề cập xử lý đối với anh Hanh và anh G.

Đối với 01 chiếc USB có 01 đoạn video có tên “Video1” dung lượng 158294 KB ghi lại hình ảnh liên quan đến sự việc, tiếp tục được lưu hồ sơ vụ án tại bút lục số 183a theo biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu này 08/04/2023.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo NQN phạm tội: “Cướp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 168; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật hình sự. Áp dụng các Điều 30, 106, 135, 136, 299, 326, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các Điều 468, 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Luật thi hành án.

Xử phạt bị cáo NQN 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2023.

2. Xử lý vật chứng:

* Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) mũ lưỡi trai màu đen, đã qua sử dụng

+ 01 (một) áo khoác màu xanh có mũ liền áo, ở cánh tay áo bên phải và bên trái đều có 3 sọc trắng kéo dài từ vai đến khuỷu tay, lớp bên trong áo dạng lưới màu đen, áo đã qua sử dụng.

+ 01 khẩu trang y tế màu trắng, đã qua sử dụng.

(Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện GL, thành phố HN, có tình trạng, đặc điểm như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/08/2023 giữa Công an huyện GL và Chi cục thi hành án dân sự huyện GL, thành phố HN).

* Trả lại cho chị NTV số tiền 1.900.000 đồng hiện đang lưu tại Chi Cục THA dân sự huyện GL theo Biên lai thu tiền số 0055476 ngày 09/8/2023.

3. Về dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị NTV tổng số tiền 3.700.000 đồng, gồm có 1.500.000 đồng là giá trị chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo và 2.200.000 đồng tiền mặt. Sau khi xử lý vật chứng trả lại chị V số tiền đã thu hồi được là 1.900.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường nốt cho chị V số tiền 1.800.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú
(thay Thông báo KQXX)
- VKSND huyện GL;
- Công an huyện GL
- TAND Thành phố HN,
- VKSND TP HN;
- Phòng quản lý hồ sơ nghiệp vụ Công An TP HN;
- Chi Cục thi hành án dân sự huyện GL
- Sở Tư Pháp thành phố HN
- Lưu VP,THAHS,HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc